

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 29/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lâm
2. Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu N, sinh năm: 2000, tại Bình Phước;
HKTT: Khu phố 9, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá (học vấn) 02/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị N1; Chưa có vợ, con; có một chị gái sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 21/01/2021, tạm giam từ ngày 27/01/2021 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thanh S (Tên gọi khác: G), sinh năm: 1989, tại Bình Phước;
HKTT: Khu phố 8, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá (học vấn) 05/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị T1; có vợ tên Nguyễn Thị Thu H và có 02 người con sinh năm 2013, 2014; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 22/01/2021, tạm giam từ ngày 28/01/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1956, trú tại: Khu phố 9, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 20/01/2021, Nguyễn Thanh S đến khu nhà trọ “Xóm nhỏ” tại khu 7, phường P, thị xã Phước Long rủ Nguyễn Hữu N đi trộm cắp tài sản thì N đồng ý. S điều khiển xe mô tô hiệu Fanlim biển kiểm soát 93H1 – 3380 chở N vào khu vực Ngã ba Đ thuộc xã T, huyện Phú Riềng cắt trộm dây điện để bán. Đến nơi thì N sợ nên N rủ S đến nhà ông Nguyễn Văn K (bố dượng của N) tại khu 9, phường P, thị xã Phước Long để trộm tài sản. S đồng ý và chở N đến nhà ông K.

Tại đây, S đứng ngoài cảnh giới, N đột nhập vào nhà ông K bằng cách chui qua cửa thông gió vào nhà. N lấy chum chìa khóa cắm sẵn trên xe mô tô rồi đi lên phòng khách, dùng chìa khóa mở chốt cửa chính của phòng khách ra rồi đi vào bê 01 tượng phật bằng gỗ ra ngoài cổng và dùng chìa khóa lấy được mở cổng mang ra ngoài. N tiếp tục quay vào phòng khách lấy 01 cặp lục bình bằng gỗ, mang ra ngoài rồi khóa cổng lại, ném chìa khóa vào trong sân. S điều khiển xe mô tô chở N cùng tài sản trộm cắp được về lại phòng trọ của N cất giấu. Khoảng 09 giờ ngày 21/01/2021, S gọi điện cho Trần Văn T2 đến mua nhưng T2 chỉ xem, chụp hình rồi đi, chưa thỏa thuận giá cả.

Sau khi phát hiện mất tài sản, Nguyễn Văn K báo Công an phường P. Ngày 21, 22/01/2021, N, S biết sự việc bị lộ nên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đầu thú.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 lục bình mỗi cái cao 61cm, đường kính 17cm; 01 tượng phật dạng ngòai màu nâu vàng, chiều cao 30cm, chiều dài 45cm, chiều rộng 35cm; 01 xe mô tô biển hiệu Fanlim kiểm soát 93H1 – 3380.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/HĐ.ĐGTSTTHS.21 ngày 25/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: 02 lục bình bằng gỗ dạng tai bèo, màu vàng, có kích thước cao 61cm, đường kính 17cm có giá trị là 1.200.000 đồng; 01 tượng phật di lạc bằng gỗ, dạng ngòai, màu nâu vàng, có kích thước cao 30cm, ngang 45cm, rộng 35cm có giá trị là 1.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.000.000 đồng.

Ngày 27/01/2021, Nguyễn Hữu N và Nguyễn Thanh S bị khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 30/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Nguyễn Hữu N và Nguyễn Thanh S về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Hữu N và Nguyễn Thanh S về Tội trộm cắp tài sản; các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là lao động nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, học vấn thấp.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: xử phạt các bị cáo N, S từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: không đặt ra.

Vật chứng: 01 tượng phạt và 02 lục bình bằng gỗ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã xử lý trả lại cho ông Nguyễn Văn K là đúng, ông K cũng không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93H1 – 3380, không có giấy chứng nhận đăng ký, chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau nên không đề cập xử lý.

- Bị cáo N, S tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với KSV.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 01 giờ 30 ngày 21/01/2021, Nguyễn Hữu N và Nguyễn Thanh S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một tượng phạt di lạc bằng gỗ và hai lục bình bằng gỗ của bị hại Nguyễn Văn K. Tài sản chiếm đoạt có tổng giá trị là 3.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố để cấu thành Tội trộm cắp tài sản, nên Viện kiểm sát truy tố và luận tội các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân đã cố ý thực hiện. Do đó, xét cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là cần thiết, nhằm

giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể. Vai trò của các bị cáo là như nhau nên việc xử phạt các bị cáo mức hình phạt ngang nhau là phù hợp.

[5] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại”; “Nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự” được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần xem xét cho các bị cáo khi lượng hình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án:

- 02 (Hai) lục bình bằng gỗ danh tai bèo, màu vàng, có kích thước cao 61cm, đường kính 17cm và 01 (Một) tượng phật di lạc bằng gỗ, dạng ngồi, màu nâu vàng, có kích thước cao 30cm, ngang 45cm, rộng 35cm là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn K, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông K là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93H1 – 3380, không có giấy chứng nhận đăng ký, chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự; các điều 136, 106, 331, 333 và 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thanh S (Tên gọi khác: G) phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hứa N 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S (Tên gọi khác: G) 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2021.

3. Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2021).

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt